

Bản tin Phân tích kỹ thuật

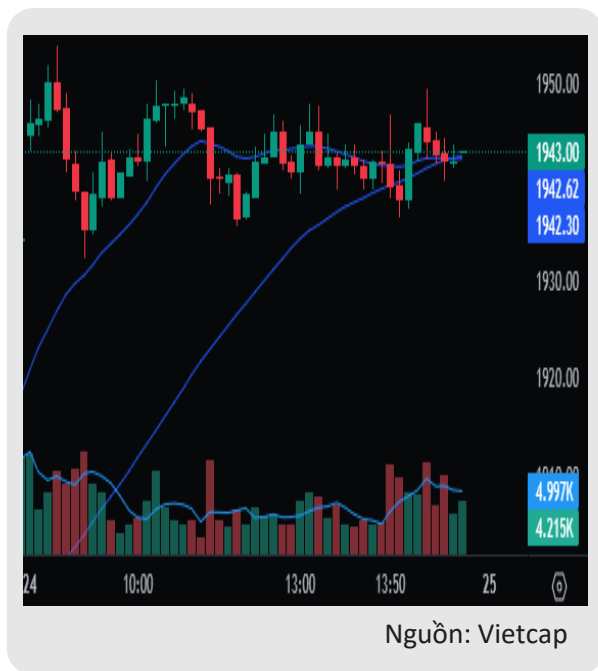
24/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G9000 đóng cửa trên đường MA20, giữ tín hiệu tăng giá và đà tăng ở trạng thái lẩn át đến cuối ngày. Dựa trên tín hiệu hiện tại, hợp đồng có khả năng tiếp cận lại khu vực giá cao 1.950-1.954 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua quanh 1.943 điểm, mục tiêu tại 1.954 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.940 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.943 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.954 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.940 điểm

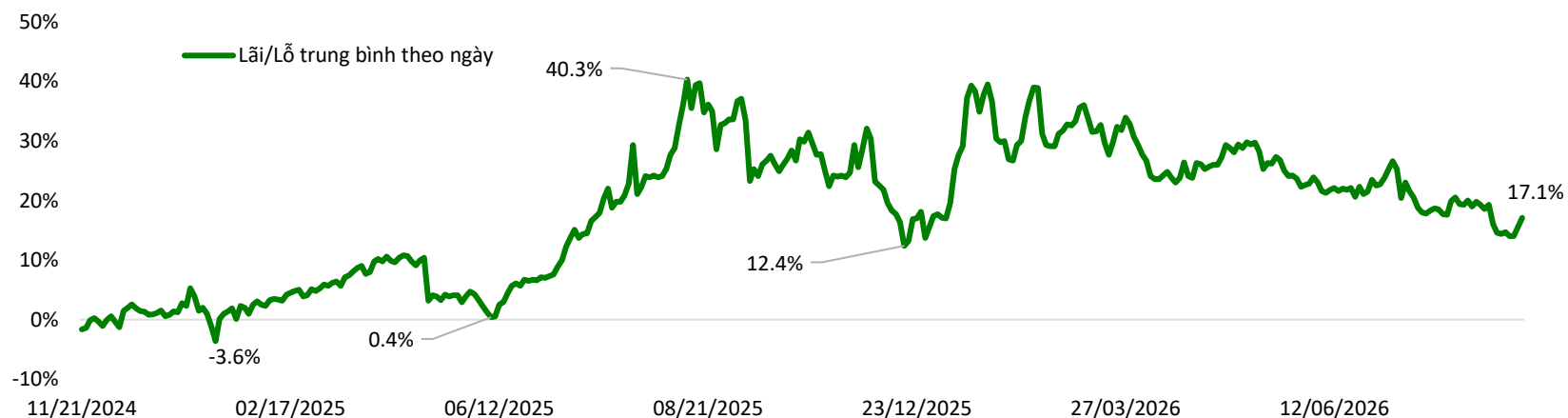
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index mở cửa tăng mạnh nhưng trạng thái tăng giá trở nên giằng co khi chỉ số thu hẹp đà tăng từ khu vực quanh 1.800 điểm về cuối phiên. Về hoạt động giao dịch, lực cầu lan tỏa tốt hơn tại nhóm Bất động sản, Vật liệu và Dầu khí. Ở các nhóm Ngân hàng, Chứng khoán, Bán lẻ và Tiêu dùng, hoạt động mua chủ yếu mang tính chọn lọc. Ở chiều ngược lại, thị trường chưa ghi nhận áp lực bán bất thường tại bất kỳ nhóm ngành nào khi VN-Index tiếp cận vùng 1.800 điểm.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index tiếp cận khu vực 1.790–1.800 điểm sau khi vượt vùng 1.750 điểm, qua đó duy trì tín hiệu tăng ngắn hạn. Tuy nhiên, để kéo dài nhịp tăng, chỉ số cần vượt vùng kháng cự 1.790–1.800 điểm nhằm mở ra khả năng hướng lên các mục tiêu cao hơn, gần nhất là vùng 1.850 điểm. Hỗ trợ trong phiên 25/08 nằm tại khu vực 1.775 điểm.
- Đánh giá khả năng bứt phá tại vùng 1.800 điểm, phiên tăng 24/08 vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ nhóm Vingroup, nổi bật là VIC và VHM, trong khi lực cầu trên phần lớn nhóm ngành còn lại diễn ra tương đối chọn lọc. Do đó, VN-Index có thể chưa vượt dứt khoát mốc 1.800 điểm trong phiên 25/08. Kịch bản phù hợp hơn là chỉ số giằng co hoặc điều chỉnh nhẹ quanh vùng kháng cự này nhằm củng cố nền cho nhịp tăng kế tiếp.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	77,500	75,000	3.3%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,550	13,450	0.7%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	20,750	20,300	2.2%	20,000	22,000	19,800	
GAS	24/08/2026		Đang mở	85,000	82,000	3.7%	20,001	98,000		
SSI	24/08/2026		Đang mở	21,250	21,100	0.7%	20,002	23,000		
FPT	24/08/2026		Đang mở	71,400	71,400	0.0%	20,003	78,000		
MSN	24/08/2026		Đang mở	70,000	69,500	0.7%	20,004	75,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	214,500	4.63%	8.33%	1,664,989	15.114	2,920	9.8	73.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VHM	73,400	2.37%	7.62%	602,968	2.800	9,718	2.3	7.6	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,350	2.53%	6.46%	209,059	1.036	3,758	1.2	7.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	22,250	2.53%	4.95%	187,856	0.933	2,750	1.3	8.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	85,000	1.80%	7.46%	205,101	0.722	5,269	3.0	16.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	27,400	2.05%	5.38%	137,200	0.551	3,933	1.9	7.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	31,800	-1.09%	0.95%	246,989	-0.527	5,172	1.2	6.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
LPS	27,550	-6.93%	0.00%	38,809	-0.526	836	2.2	33.0	Trung tính			
LPB	49,100	-1.80%	-3.54%	146,676	-0.517	3,780	3.4	13.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	21,250	2.41%	7.32%	63,778	0.301	1,752	1.6	12.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PNJ	42,650	6.89%	17.82%	21,825	0.295	5,673	1.6	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACB	22,500	-1.10%	2.97%	130,599	-0.281	2,701	1.3	8.3	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCB	31,450	-0.63%	-1.10%	222,862	-0.276	3,829	1.2	8.2	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DMX	78,700	-1.25%	-6.86%	99,770	-0.245	5,199	5.6	15.1	Trung tính			
VNM	63,200	-0.94%	1.61%	132,085	-0.243	5,246	4.1	12.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
THD	138,200	-1.29%	1.62%	53,207	-3.133	396	10.5	349.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	12,000	-1.64%	9.09%	35,096	-2.635	143	2.5	83.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,000	2.70%	10.14%	19,434	2.406	4,118	1.3	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	13,300	5.56%	9.92%	7,924	2.016	322	1.3	41.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	68,900	9.37%	12.58%	3,445	1.478	2,718	3.4	25.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	78,200	-0.38%	-1.26%	70,363	-1.232	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	15,600	-1.89%	2.63%	14,032	-1.213	1,119	1.1	13.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PTI	21,800	9.00%	-0.91%	2,629	1.084	2,212	1.0	9.9	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MBS	17,900	-1.10%	2.87%	17,917	-0.907	1,828	1.5	9.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,800	2.60%	1.94%	5,530	0.658	1,408	1.1	11.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MVN	71,500	4.08%	7.52%	84,950	0.312	2,296	5.5	30.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	42,100	1.45%	3.69%	150,096	0.196	3,117	2.0	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SJG	21,100	-15.94%	-15.94%	9,487	-0.136	4,231	1.1	5.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	87,600	-0.45%	4.53%	267,067	-0.109	4,019	7.1	21.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	44,300	1.84%	4.48%	49,038	0.081	2,209	3.4	20.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
F88	60,000	-5.36%	-8.12%	14,092	-0.068	4,365	4.7	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	13,800	2.22%	4.55%	14,395	0.029	588	1.3	23.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
VNZ	580,000	1.75%	-6.48%	17,029	0.027	15,830	18.5	36.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FOX	64,400	-0.62%	1.90%	47,599	-0.026	4,936	3.7	13.1	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PHP	47,600	-1.86%	6.25%	15,758	-0.026	3,743	2.4	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

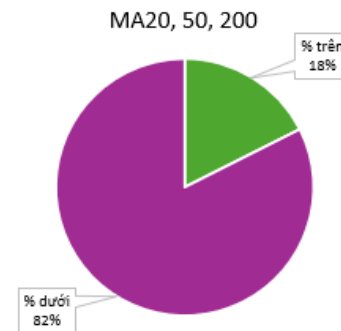
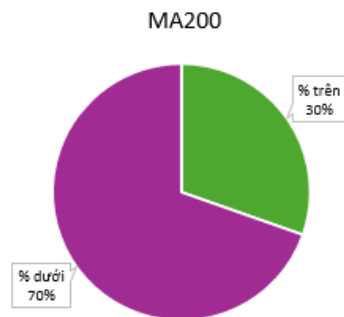
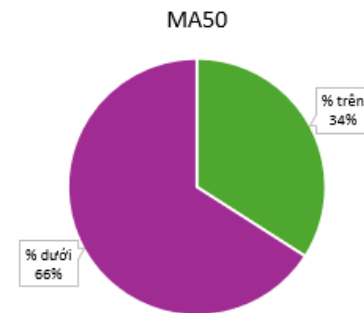
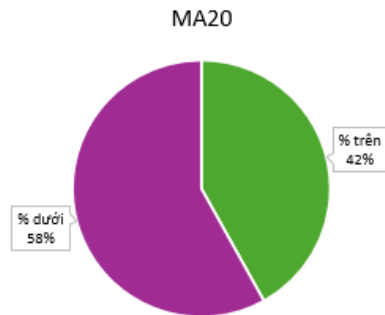
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BAF	32,700	0.6%	88.7	57.5	26,124	32,665	2.7	126.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHP	15,500	2.6%	11.4	18.9	8,254	15,494	1.4	28.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LPS	27,550	-6.9%	65.0	34.1	29,600	31,800	2.2	33.0	Trung tính			
KOS	34,100	-2.4%	18.6	6.2	34,500	42,150	3.2	275.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	52,000	0.6%	21.2	5.6	41,600	53,420	2.4	30.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HSL	10,000	6.4%	12.2	3.2	4,700	15,900	0.9	125.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CEO	13,300	5.6%	269.1	77.0	10,800	30,382	1.3	41.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			24/08/2026	21/08/2026	20/08/2026	19/08/2026	18/08/2026	17/08/2026	14/08/2026	13/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	28%	28%	26%	25%	25%	25%	25%	25%
		Dưới	72%	72%	74%	75%	75%	75%	75%	75%
	MA50	Trên	39%	34%	29%	28%	30%	31%	31%	34%
		Dưới	61%	66%	71%	72%	70%	69%	69%	66%
	MA20	Trên	62%	58%	41%	41%	46%	52%	50%	57%
		Dưới	38%	42%	59%	59%	54%	48%	50%	43%
VN30	MA200	Trên	40%	40%	37%	37%	37%	33%	33%	37%
		Dưới	60%	60%	63%	63%	63%	67%	67%	63%
	MA50	Trên	67%	63%	33%	30%	30%	33%	37%	43%
		Dưới	33%	37%	67%	70%	70%	67%	63%	57%
	MA20	Trên	90%	83%	53%	47%	59%	60%	57%	77%
		Dưới	10%	17%	47%	53%	41%	40%	43%	23%
HNX	MA200	Trên	29%	31%	29%	28%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	71%	69%	71%	72%	71%	71%	71%	71%
	MA50	Trên	34%	36%	34%	31%	31%	30%	30%	31%
		Dưới	66%	64%	66%	69%	69%	70%	70%	69%
	MA20	Trên	29%	31%	29%	28%	29%	29%	29%	29%
		Dưới	71%	69%	71%	72%	71%	71%	71%	71%
UPCOM	MA200	Trên	33%	35%	33%	33%	34%	35%	34%	34%
		Dưới	67%	65%	67%	67%	66%	65%	66%	66%
	MA50	Trên	33%	34%	33%	32%	32%	33%	34%	34%
		Dưới	67%	66%	67%	68%	68%	67%	66%	66%
	MA20	Trên	32%	33%	34%	33%	33%	34%	33%	33%
		Dưới	68%	67%	66%	67%	67%	66%	67%	67%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 8														Tháng 7					
		24 +	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28
1	Bán lẻ	81	78	74	72	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24
2	Tài nguyên Cơ bản	68	67	64	66	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45
3	Hàng & Dịch vụ Cộn...	65	62	56	57	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22
4	Đầu khí	59	49	41	39	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28
5	Điện, nước & xăng d...	58	57	55	56	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36
6	Thực phẩm và đồ uố...	57	54	50	49	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33
7	Ngân hàng	56	52	43	42	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32
8	Hóa chất	56	52	44	43	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24
9	Truyền thông	56	51	51	51	54	54	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Ô tô và phụ tùng	55	53	49	52	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52
11	Dịch vụ tài chính	53	51	30	30	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25
12	Xây dựng và Vật liệu	51	49	42	45	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28
13	Bất động sản	50	42	28	30	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20
14	Hàng cá nhân & Gia ...	49	49	42	42	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16
15	Du lịch và Giải trí	43	37	36	35	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22
16	Công nghệ Thông tin	42	41	28	26	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	73,400	2.4%	7.6%	602,968	2.3	7.6	9,718	446.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,750	-0.5%	4.3%	208,927	1.4	6.4	3,236	231.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GAS	85,000	1.8%	7.5%	205,101	3.0	16.1	5,269	229.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	74,900	0.3%	0.9%	141,203	2.3	45.9	1,634	100.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BSR	27,400	2.0%	5.4%	137,200	1.9	7.0	3,933	386.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,400	0.4%	2.0%	137,145	1.6	7.0	3,897	395.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	22,500	-1.1%	3.0%	130,599	1.3	8.3	2,701	143.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	44,300	1.8%	4.5%	49,038	3.4	20.1	2,209	95.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	35,200	0.0%	0.9%	46,830	2.0	6.1	5,816	5.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	11,000	0.9%	0.5%	33,688	0.9	7.6	1,454	52.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FRT	147,500	2.8%	0.3%	26,375	5.5	23.2	6,359	67.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	24,150	1.5%	3.4%	21,890	1.9	26.4	915	30.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	64,500	-0.8%	6.3%	20,643	3.8	51.6	1,250	142.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	19,350	4.0%	6.6%	17,952	1.0	16.2	1,198	139.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PHP	47,600	-1.9%	6.3%	15,758	2.4	12.9	3,743	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	52,000	0.6%	1.2%	14,370	2.4	30.2	1,723	21.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BAF	32,700	0.6%	3.0%	11,930	2.7	126.1	259	88.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	20,650	1.0%	1.7%	10,674	1.2	7.6	2,711	83.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	42,800	-0.5%	3.6%	9,466	2.6	11.3	3,785	73.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ORS	14,600	0.3%	5.4%	9,109	1.2	17.8	822	136.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	60,000	-5.4%	-8.1%	14,092	4.7	14.0	4,365	22.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,200	-0.4%	-1.3%	70,363	3.3	4.6	17,023	7.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	13,000	0.8%	-0.8%	13,888	1.3	27.3	476	23.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTD	4,800	-4.0%	0.0%	116	0.4	19.4	249	5.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
NAB	11,650	0.4%	0.0%	25,150	1.0	5.2	2,262	12.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,700	-0.9%	-1.8%	13,651	2.0	6.3	5,201	57.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	12,000	-1.6%	-0.4%	7,690	1.0	9.9	1,216	9.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	34,100	-2.4%	-2.4%	7,382	3.2	275.3	124	18.6	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VC3	25,200	0.4%	-1.2%	3,488	2.2	48.7	518	23.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	32,500	1.6%	0.0%	3,263	0.9	5.6	5,856	9.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPX	4,220	0.5%	-0.5%	1,284	0.4	10.4	407	8.3	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	49,100	-1.8%	-3.5%	146,676	3.4	13.0	3,780	195.2	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BMP	144,700	-0.5%	-0.6%	11,845	4.2	9.2	15,674	7.9	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	124,500	0.0%	0.8%	95,752	3.6	44.0	2,830	173.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	67,200	-1.5%	-0.9%	43,042	5.3	12.1	5,561	103.1	Tiêu cực	-3.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	17,350	-0.3%	1.5%	32,318	1.2	65.7	264	73.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	53,000	0.0%	-1.9%	11,101	1.2	8.2	6,457	11.8	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,500	-0.5%	0.5%	8,431	1.3	7.2	2,861	21.3	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ANV	17,200	0.3%	1.2%	4,580	1.2	5.3	3,248	7.1	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	13,350	6.4%	-0.7%	1,628	1.0	56.3	237	9.0	Tiêu cực	-3.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,260	0.61%	-2.71%	25,500	210.6%	(337)	0.8	-24.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDH	18,550	3.06%	3.06%	42,600	136.7%	1,565	1.1	11.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	24,500	2.08%	3.16%	45,800	90.8%	1,407	1.0	17.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	75,100	0.13%	2.18%	140,000	86.7%	6,665	3.1	11.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	12,600	3.70%	5.44%	21,400	76.1%	2,909	1.0	4.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,750	2.45%	3.08%	28,700	75.5%	1,803	1.0	9.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,600	0.00%	1.12%	23,100	69.9%	1,983	0.7	6.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	30,500	1.67%	1.16%	48,900	63.0%	3,441	1.2	8.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,900	-0.49%	1.49%	66,800	62.5%	3,174	2.2	12.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTB	32,500	1.56%	0.00%	52,000	62.5%	5,856	0.9	5.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	31,450	0.16%	2.95%	51,000	62.4%	4,939	1.5	6.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
PVS	38,000	2.70%	10.14%	58,800	58.9%	4,118	1.3	9.2	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	20,500	0.99%	1.49%	31,900	57.1%	1,738	1.2	11.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CTG	31,800	-1.09%	0.95%	50,000	55.5%	5,172	1.2	6.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
IDC	32,700	-0.91%	-1.80%	51,200	55.2%	5,201	2.0	6.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	60,000	-5.36%	-8.12%	98,000	54.6%	4,365	4.7	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	26,250	0.00%	6.92%	40,500	54.3%	1,048	1.7	25.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	22,250	2.53%	4.95%	32,700	50.7%	2,750	1.3	8.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	20,750	-0.48%	4.27%	31,300	50.1%	3,236	1.4	6.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DXS	6,350	6.90%	5.66%	8,800	48.1%	402	0.6	15.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn